TIẾP CẬN TÂM LÝ HỌC TRONG GIÁO DỤC TRẢI NGHIỆM PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN DU LỊCH XANH TẠI NINH BÌNH

Nguyễn Ngọc Mai
Lớp cao học K22, Khoa Du lịch
Trường ĐH KHXH&NV – ĐH Quốc gia Hà Nội
Tô Quang Long
Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội

Tóm tắt: *Nghiên cứu phân tích vai trò của giáo dục trải nghiệm trong phát triển du lịch xanh tại Ninh Bình dưới góc nhìn tâm lý học. Trên cơ sở phân tích tài liệu và phỏng vấn bán cấu trúc với các chuyên gia, nghiên cứu làm rõ ba cơ chế cốt lõi gồm kiến tạo nhận thức, kết nối cảm xúc và nội tâm hóa giá trị bảo tồn. Kết quả chỉ ra rằng diễn giải tài nguyên và storytelling là hai phương thức quan trọng giúp chuyển hóa giá trị tài nguyên thành trải nghiệm có ý nghĩa, góp phần định hướng hành vi du lịch có trách nhiệm. Nghiên cứu đề xuất khung tiếp cận tích hợp giữa tâm lý học, giáo dục trải nghiệm và quản trị điểm đến nhằm thúc đẩy du lịch xanh tại Ninh Bình.*

Từ khóa: *Giáo dục trải nghiệm; Tâm lý học du lịch; Diễn giải tài nguyên; Storytelling; Du lịch xanh.*

EXPERIENTIAL EDUCATION IN GREEN TOURISM DEVELOPMENT: A PSYCHOLOGICAL PERSPECTIVE IN NINH BINH

Abstract*: This study examines the role of experiential education in green tourism development in Ninh Binh from a psychological perspective. Based on literature analysis and semi-structured interviews with experts, the study identifies three core psychological mechanisms, including cognitive construction, emotional connection, and internalization of conservation values. The findings indicate that resource interpretation and storytelling are essential approaches for transforming resource values into meaningful visitor experiences and promoting responsible tourism behaviors. The study proposes an integrated framework linking psychology, experiential education, and destination management to support green tourism development in Ninh Binh.*

Keywords: *Experiential education; Tourism psychology; Resource interpretation; Storytelling; Green tourism.*

Nhận bài: 16/06/2026 *Phản biện: 16/07/2026* *Duyệt đăng: 19/07/2026*

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong tâm lý học (TLH) và khoa học giáo dục, trải nghiệm được xem là nền tảng của quá trình hình thành nhận thức, thái độ và hành vi. Theo lý thuyết học tập trải nghiệm, tri thức được kiến tạo thông qua quá trình tương tác, phản tư và vận dụng vào các tình huống thực tiễn, thay vì tiếp nhận một chiều (Kolb & Kolb, 2009). Vì vậy, hoạt động giáo dục có thể được triển khai ngay trong các không gian văn hóa, tự nhiên và xã hội, nơi con người trực tiếp tương tác với môi trường và kiến tạo ý nghĩa cho những gì mình trải qua.

Trong phát triển du lịch xanh (DLX), các nghiên cứu chủ yếu tập trung vào hành vi môi trường của du khách, quản trị điểm đến và phát triển sản phẩm bền vững (Buckley, 2012; Font & McCabe, 2017), trong khi việc vận dụng các nguyên lý của TLH và giáo dục trải nghiệm (GDTN) trong tổ chức hoạt động giáo dục tại điểm đến vẫn còn hạn chế. Thực tiễn cho thấy, hoạt động truyền thông ở nhiều điểm đến vẫn thiên về cung cấp thông tin, chưa tạo được sự tham gia chủ động và gắn kết của du khách với giá trị tài nguyên (Ham, 2009).

Dưới góc nhìn TLH và GDTN, diễn giải tài nguyên (DGTN) và nghệ thuật kể chuyện điểm đến (storytelling) là hai phương thức có khả năng thúc đẩy quá trình học tập thông qua trải nghiệm. DGTN giúp du khách khám phá ý nghĩa của tài nguyên và di sản (Tilden, 2007; Ham, 2013), trong khi storytelling truyền tải tri thức bằng những câu chuyện giàu cảm xúc, góp phần tăng cường khả năng ghi nhớ, sự đồng cảm và nội tâm hóa các giá trị (Bruner, 1991).

Ninh Bình sở hữu hệ thống di sản văn hóa và sinh thái đặc sắc, tạo điều kiện thuận lợi để vận dụng hai phương thức này trong phát triển DLX. Tuy nhiên, DGTN và storytelling vẫn chưa được khai thác như những phương thức GDTN dựa trên nền tảng TLH. Từ khoảng trống đó, bài viết phân tích vai trò của DGTN và storytelling dưới góc nhìn TLH và GDTN, qua đó đề xuất định hướng vận dụng nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục tại điểm đến và thúc đẩy phát triển DLX ở Ninh Bình.

II. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu sử dụng phương pháp định tính thông qua phân tích tài liệu và phỏng vấn bán cấu trúc nhằm làm rõ cơ sở lý luận và cơ chế vận hành của GDTN trong phát triển DLX tại Ninh Bình. Dữ liệu thứ cấp được thu thập từ các nghiên cứu về TLH trải nghiệm, GDTN, DGTN, storytelling và du lịch bền vững. Dữ liệu sơ cấp được thu

thập qua 21 cuộc phỏng vấn bán cấu trúc với các chuyên gia trong lĩnh vực du lịch, giáo dục, bảo tồn và quản lý điểm đến tại Ninh Bình, được lựa chọn theo phương pháp chọn mẫu có chủ đích. Đối tượng phỏng vấn đáp ứng các tiêu chí về kinh nghiệm chuyên môn, thời gian hoạt động tối thiểu 05 năm và khả năng cung cấp thông tin liên quan đến tổ chức trải nghiệm, DGTN tại điểm đến.

Dữ liệu được xử lý bằng phân tích nội dung theo hướng mã hóa chủ đề nhằm xác định các nội dung liên quan đến vai trò của trải nghiệm trong hình thành nhận thức, kết nối cảm xúc và định hướng hành vi bảo tồn của du khách. Quá trình mã hóa được thực hiện thông qua đối chiếu dữ liệu phỏng vấn với khung lý thuyết và rà soát tính nhất quán giữa các chủ đề nhằm nâng cao độ tin cậy của kết quả. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất định hướng phát triển DGTN và storytelling như các phương thức tổ chức GDTN phục vụ phát triển DLX tại Ninh Bình.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Cơ sở tâm lý học của GDTN trong phát triển DLX

Kết quả phân tích tài liệu cho thấy GDTN trong phát triển DLX vận hành qua ba cơ chế tâm lý cốt lõi: kiến tạo nhận thức qua trải nghiệm, gắn kết cảm xúc với tài nguyên và nội tâm hóa giá trị bảo tồn. Ba cơ chế này giúp chuyển hóa thông tin về điểm đến thành nhận thức, thái độ tích cực và hành vi du lịch có trách nhiệm.

Theo lý thuyết học tập trải nghiệm, tri thức được hình thành qua quá trình tương tác, quan sát và phản tư (Kolb & Kolb, 2009). Do đó, GDTN cần tạo điều kiện để du khách chủ động khám phá thay vì tiếp nhận thông tin một chiều. Đồng thời, diễn giải di sản chỉ phát huy hiệu quả khi tạo được sự đồng cảm và kết nối cảm xúc giữa du khách với tài nguyên và cộng đồng (Tilden, 2007; Ham, 2013). Ở mức sâu hơn, nội tâm hóa giá trị được thúc đẩy thông qua storytelling, bởi con người tiếp nhận và ghi nhớ ý nghĩa hiệu quả hơn qua các câu chuyện có bối cảnh và cảm xúc (Bruner, 1991).

Như vậy, hiệu quả của GDTN không phụ thuộc vào lượng thông tin mà ở khả năng thúc đẩy nhận thức, cảm xúc và trách nhiệm bảo tồn. Trên cơ sở đó, nghiên cứu xem DGTN là khung tổ chức giáo dục tại điểm đến, còn storytelling là cơ chế truyền tải và kiến tạo ý nghĩa, góp phần chuyển hóa nhận thức về tài nguyên thành hành vi du lịch có trách nhiệm.

3.2. DGTN trong GDTN nhằm phát triển DLX tại Ninh Bình

3.2.1. Giá trị tâm lý và giáo dục của DGTN tại Ninh Bình

Dưới góc nhìn tâm lý giáo dục, diễn giải tài nguyên (DGTN) không chỉ là hoạt động cung cấp thông tin mà là cấu trúc tổ chức quá trình học tập tại điểm đến, trong đó giá trị tài nguyên được chuyển hóa thành nội dung giáo dục, trải nghiệm nhận thức và định hướng hành vi của du khách. Theo Tilden (2007), giá trị cốt lõi của diễn giải nằm ở khả năng giúp người trải nghiệm nhận ra ý nghĩa của tài nguyên; Ham (2013) nhấn mạnh rằng diễn giải hiệu quả cần tạo sự chú ý, kết nối cảm xúc và thúc đẩy thay đổi nhận thức. Trên cơ sở tiếp cận này, nghiên cứu phân tích vai trò tâm lý và giáo dục của DGTN tại Ninh Bình thông qua dữ liệu phỏng vấn bán cấu trúc với các chuyên gia (Bảng 1).

Bảng 1. Kết quả mã hóa chủ đề từ phỏng vấn bán cấu trúc về giá trị tâm lý và giáo dục của DGTN tại Ninh Bình

Chủ đề	Mức độ hội tụ	Ý kiến đại diện từ phỏng vấn	Giá trị TLH và GDTN
Giới thiệu tài nguyên còn thiên về cung cấp thông tin	Cao	Thuyết minh chủ yếu tập trung vào dữ kiện, ít tạo tương tác với du khách	Hạn chế khả năng kiến tạo nhận thức
Khoảng cách giữa nhận biết và hiểu giá trị tài nguyên	Cao	Du khách biết điểm đến nhưng chưa nhận thức sâu về ý nghĩa bảo tồn	Cần thúc đẩy quá trình hình thành nhận thức sâu
Trải nghiệm trực tiếp tạo tác động giáo dục rõ hơn	Khá cao	Cần tăng hoạt động quan sát, khám phá và tương tác tại điểm đến	Trải nghiệm hỗ trợ ghi nhớ và kiến tạo ý nghĩa
Gắn kết cảm xúc là nền tảng của trách nhiệm bảo tồn	Cao	Du khách cần cảm nhận mối liên hệ với thiên nhiên, di sản và cộng đồng	Cảm xúc thúc đẩy tiếp nhận và nội tâm hóa giá trị

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ kết quả khảo sát và phân tích tài liệu (2026)

Ghi chú: Mức độ hội tụ được xác định dựa trên tần suất xuất hiện và mức độ thống nhất của các chủ đề trong quá trình mã hóa dữ liệu phỏng vấn.

Kết quả mã hóa cho thấy hạn chế chủ yếu của DGTN tại Ninh Bình nằm ở khoảng cách giữa truyền đạt thông tin và kiến tạo ý nghĩa. Hoạt động giới thiệu tài nguyên hiện vẫn thiên về cung cấp dữ liệu về điểm đến, trong khi chưa khai thác đầy đủ khả năng giúp du khách hiểu mối liên hệ giữa tài nguyên, con người và quá trình bảo tồn. Đối với hệ thống tài nguyên đa dạng của Ninh Bình như Tràng An, Hoa Lư, Cúc Phương và Vân Long, giá trị của DGTN không chỉ nằm ở việc giới thiệu đặc điểm cảnh quan hay di sản mà còn ở khả năng làm rõ các giá trị sinh thái, văn hóa và xã hội ẩn sau tài nguyên. Bên cạnh đó, kết quả phỏng vấn cho thấy trải nghiệm tương tác và sự gắn kết cảm xúc là những yếu tố quan trọng giúp nâng cao hiệu quả giáo dục tại điểm đến. Khi du khách được tham gia vào quá trình khám phá, quan sát và tiếp cận tài nguyên thông qua các cách thức diễn giải phù hợp, trải nghiệm tham quan có thể vượt khỏi phạm vi thưởng ngoạn để trở thành quá trình nhận thức và học tập. Vì vậy, DGTN tại Ninh Bình cần được phát triển theo hướng lấy du khách làm chủ thể kiến tạo ý nghĩa, trong đó nội dung diễn giải không chỉ trả lời câu hỏi "tài nguyên là gì" mà còn làm rõ "vì sao tài nguyên có giá trị và cần được bảo vệ". Như vậy, DGTN giữ vai trò là nền tảng tổ chức GDTN tại điểm đến, góp phần kết nối giá trị tài nguyên với nhận thức và trách nhiệm của du khách. Đây là cơ sở để Ninh Bình xây dựng hệ thống diễn giải theo hướng hỗ trợ đồng thời ba mục tiêu: nâng cao chất lượng trải nghiệm, tăng cường giáo dục nhận thức và thúc đẩy phát triển DLX.

3.2.2 Mô hình phát triển hệ thống DGTN theo hướng GDTN tại Ninh Bình

Từ những phát hiện trên, nghiên cứu đề xuất phát triển hệ thống DGTN theo hướng GDTN tại nhằm phát triển DLX tại Ninh Bình. Mô hình này được cấu thành bởi sáu thành tố liên kết: (1) Giá trị tài nguyên; (2) Nội dung diễn giải; (3) Công cụ truyền tải; (4) Trải nghiệm tương tác; (5) Nhận thức bảo tồn; (6) Hành vi du lịch có trách nhiệm. Trong đó, giá trị tài nguyên là nền tảng để xây dựng các câu chuyện diễn giải gắn với đặc trưng sinh thái, lịch sử và văn hóa của từng điểm đến. Nội dung diễn giải cần vượt khỏi mô tả thông tin để làm rõ ý nghĩa tài nguyên, vai trò của cộng đồng và yêu cầu bảo tồn. Các công cụ như biển diễn giải, mã QR, audio guide, bản đồ số, hình ảnh và video được sử dụng như phương tiện hỗ trợ tăng tính trực quan, tương tác và cá nhân hóa trải nghiệm. Điểm cốt lõi của mô hình là tạo ra chu trình chuyển hóa: giá trị tài nguyên → nội dung diễn giải → trải nghiệm du khách → nhận thức bảo tồn →hành vi có trách nhiệm.

Để triển khai hiệu quả, Ninh Bình cần xây dựng hệ thống diễn giải đồng bộ trên phạm vi toàn tỉnh, thống nhất về thông điệp, tiêu chuẩn nội dung và phương thức thể hiện, đồng thời bảo đảm tính đặc thù của từng điểm đến.

Hình 1. Mô hình DGTN trong GDTN tại điểm đến Ninh Bình

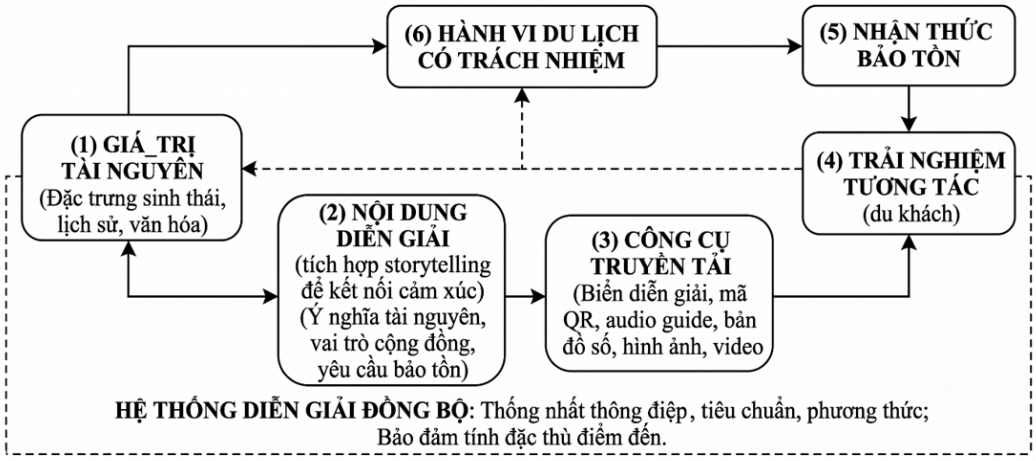

Nguồn: Tác giả xây dựng và đề xuất, 2026

3.3. Storytelling trong GDTN nhằm thúc đẩy DLX tại Ninh Bình

3.3.1. Cơ chế tâm lý của storytelling trong GDTN tại Ninh Bình

Trong hệ thống DGTN, storytelling không phải là một phương thức tách biệt mà là cơ chế tâm lý hỗ trợ quá trình chuyển hóa nội dung diễn giải thành trải nghiệm có ý nghĩa. Thông qua cấu trúc tự sự, các giá trị tài nguyên được đặt trong bối cảnh con người, lịch sử và bảo tồn, từ đó tăng khả năng kết nối cảm xúc và hình thành nhận thức của du khách về thế giới xung quanh (Bruner, 1991).

Vì vậy, storytelling giúp mở rộng giá trị giáo dục của diễn giải bằng cách đặt tài nguyên trong những câu chuyện gắn với con người, lịch sử và bảo tồn. Đối với Ninh Bình, nơi các giá trị sinh thái, văn hóa và lịch sử đan xen, storytelling giúp làm nổi bật mối quan hệ giữa con người, thiên nhiên và quá trình bảo tồn. Những câu chuyện gắn với Tràng An, Hoa Lư, Cúc Phương, Vân Long hay các làng nghề truyền thống không chỉ bổ sung thông tin về điểm đến mà còn tạo điều kiện để du khách tiếp cận tài nguyên thông qua góc nhìn của cộng đồng và các chủ thể bảo tồn.

Về mặt tâm lý, storytelling nâng cao hiệu quả GDTN nhờ khả năng tăng cường ghi nhớ, khơi gợi đồng cảm và thúc đẩy sự nhập vai. Khi tài nguyên được đặt trong một bối cảnh tự sự giàu ý nghĩa, du khách không chỉ quan sát giá trị bên ngoài mà còn hình thành sự kết nối với câu chuyện phía sau điểm đến. Quá trình này tạo điều kiện để các giá trị xanh được tiếp nhận sâu hơn và có khả năng định hướng hành vi cá nhân (Bruner, 1991). Như vậy, vai trò của storytelling trong GDTN tại Ninh Bình nằm ở khả năng kết nối tri thức về tài nguyên với ý nghĩa trải nghiệm, qua đó hỗ trợ hình thành sự gắn bó và trách nhiệm của du khách đối với bảo tồn. Đây là cơ sở để ứng dụng storytelling như một phương thức thúc đẩy phát triển DLX dựa trên trải nghiệm.

3.3.2. Định hướng ứng dụng storytelling trong phát triển DLX tại Ninh Bình

Từ cơ sở phân tích cơ chế tâm lý của storytelling, nghiên cứu đề xuất ứng dụng storytelling tại Ninh Bình như một phương thức GDTN, giúp chuyển hóa giá trị tài nguyên thành nhận thức, cảm xúc và hành vi bảo tồn của du khách. Trọng tâm không phải là gia tăng thông tin giới thiệu mà xây dựng những câu chuyện có ý nghĩa, kết nối tài nguyên với con người, lịch sử và trách nhiệm bảo vệ môi trường. Để triển khai hiệu quả, Ninh Bình cần xây dựng bộ câu chuyện chuẩn về tài nguyên, trong đó mỗi điểm đến được phát triển theo cấu trúc: giá trị nổi bật → câu chuyện hình thành → mối quan hệ giữa con người và tài nguyên → thông điệp bảo tồn. Trong chu trình này, storytelling là thành tố xuyên suốt giúp liên kết các thành phần của hệ thống diễn giải, bởi ý nghĩa của tài nguyên chỉ thực sự được hình thành khi được đặt trong những câu chuyện gắn với con người, lịch sử và quá trình bảo tồn.

Bảng 2. Khung thiết kế storytelling phục vụ GDTN tại các điểm đến tiêu biểu ở Ninh Bình

Điểm đến	Giá trị tài nguyên cốt lõi	Cấu trúc câu chuyện diễn giải	Cơ chế tâm lý hướng tới	Thông điệp giáo dục xanh
Tràng An	Cảnh quan karst, hệ sinh thái sông nước, mối quan hệ giữa con người và thiên nhiên	Mở đầu từ sự hình thành cảnh quan → câu chuyện con người thích nghi với môi trường → những nỗ lực bảo tồn hệ sinh thái hiện nay	Kích thích tò mò, nhận thức về giá trị tài nguyên và cảm xúc gắn bó với cảnh quan	Bảo vệ thiên nhiên là bảo vệ không gian sống của cộng đồng và các thế hệ tương lai
Hoa Lư	Giá trị lịch sử, văn hóa và bản sắc vùng đất cố đô	Từ dấu tích kinh đô cổ → vai trò của vùng đất trong lịch sử dân tộc → giá trị bảo tồn di sản hiện nay	Tạo sự kết nối bản sắc, niềm tự hào và ý thức trân trọng di sản	Di sản chỉ tồn tại bền vững khi được cộng đồng và du khách cùng gìn giữ
Cúc Phương	Rừng nguyên sinh, đa dạng sinh học và hoạt động bảo tồn	Từ câu chuyện về hệ sinh thái rừng → những loài nguy cấp → hành trình phục hồi và bảo vệ đa dạng sinh học	Khơi gợi đồng cảm với sinh vật, nhận thức về sự phụ thuộc giữa con người và tự nhiên	Mỗi hành động của con người đều tác động đến cân bằng sinh thái

Vân Long	Đất ngập nước, đa dạng sinh học và sinh kế cộng đồng	Từ cảnh quan vùng ngập nước → câu chuyện chung sống của cộng đồng với thiên nhiên → mô hình bảo tồn gắn với du lịch	Tăng nhận thức về mối quan hệ giữa bảo tồn và sinh kế	Du lịch chỉ bền vững khi tạo lợi ích hài hòa giữa con người và môi trường
Văn Lâm – Tam Cốc, Bồ Bát	Nghề truyền thống, tri thức bản địa và văn hóa cộng đồng	Từ nguồn gốc nghề → câu chuyện người dân duy trì giá trị truyền thống → vai trò của du lịch trong bảo tồn nghề	Tạo sự đồng cảm với cộng đồng, nâng cao giá trị trải nghiệm văn hóa	Tiêu dùng sản phẩm địa phương là một hình thức hỗ trợ bảo tồn văn hóa

Nguồn: Tác giả đề xuất, 2026.

Như vậy, storytelling hiệu quả trong GDTN không chỉ dừng lại ở việc lựa chọn chủ đề kể chuyện mà cần được thiết kế theo cấu trúc tâm lý gồm: tạo chú ý, xây dựng bối cảnh, kết nối cảm xúc, hình thành ý nghĩa và định hướng hành vi. Đối với Ninh Bình, mỗi câu chuyện về tài nguyên cần vượt khỏi chức năng giới thiệu điểm đến để trở thành một trải nghiệm học tập, trong đó du khách không chỉ hiểu giá trị của tài nguyên mà còn nhận thức được vai trò của bản thân trong quá trình bảo tồn.

Điều này, đòi hỏi storytelling cần được tích hợp trong toàn bộ hành trình trải nghiệm thông qua vai trò của hướng dẫn viên, người lái đò và cộng đồng địa phương. Những chủ thể này không chỉ truyền đạt thông tin mà trở thành người kết nối du khách với ý nghĩa của tài nguyên thông qua cách kể chuyện giàu cảm xúc và gắn với bối cảnh thực tế. Bên cạnh hình thức truyền tải trực tiếp, công nghệ số như mã QR, audio guide, video và bản đồ số cần được sử dụng để mở rộng khả năng tiếp cận, tăng tính tương tác và cá nhân hóa trải nghiệm. Sự kết hợp giữa câu chuyện, không gian thực và công nghệ hỗ trợ sẽ tạo nên hệ thống storytelling linh hoạt, phù hợp với mục tiêu GDTN. Như vậy, storytelling tại Ninh Bình cần được phát triển từ kể chuyện về điểm đến sang kể chuyện để giáo dục về giá trị điểm đến. Khi được tích hợp trong hệ thống DGTN, storytelling trở thành cơ chế thúc đẩy quá trình chuyển hóa từ hiểu biết tài nguyên sang kết nối cảm xúc và hành vi bảo tồn, qua đó góp phần nâng cao hiệu quả GDTN phục vụ phát triển DLX tại Ninh Bình.

IV. THẢO LUẬN

Kết quả nghiên cứu cho thấy hạn chế của các hoạt động giáo dục tại điểm đến không nằm ở sự thiếu hụt thông tin mà ở cách thức chuyển hóa thông tin thành ý nghĩa đối với du khách. Phát hiện này phù hợp với quan điểm của Tilden (2007) và Ham (2013) rằng diễn giải hiệu quả không dừng lại ở việc cung cấp dữ kiện mà cần giúp người trải nghiệm nhận ra giá trị và mối liên hệ với tài nguyên. Như vậy, vấn đề cốt lõi của giáo dục DLX không phải là gia tăng lượng thông tin môi trường mà là thiết kế những trải nghiệm có khả năng kích thích quá trình suy ngẫm và hình thành nhận thức.

Kết quả phân tích cũng cho thấy DGTN và storytelling tác động đến các khía cạnh khác nhau của quá trình trải nghiệm. DGTN giữ vai trò định hướng nhận thức thông qua việc tổ chức nội dung và làm rõ ý nghĩa của tài nguyên, trong khi storytelling tác động mạnh hơn đến khía cạnh cảm xúc thông qua việc đặt tài nguyên trong bối cảnh con người, lịch sử và bảo tồn. Điều này lý giải vì sao những thông tin có cấu trúc tự sự thường có khả năng tạo sự ghi nhớ và đồng cảm cao hơn so với cách truyền tải thuần túy mô tả (Bruner, 1991).

Từ góc nhìn TLH trải nghiệm, các kết quả trên cho thấy quá trình hình thành hành vi du lịch có trách nhiệm là một quá trình liên tục, bắt đầu từ tiếp nhận thông tin, phát triển nhận thức, hình thành kết nối cảm xúc và tiến tới nội tâm hóa giá trị. Cách tiếp cận này bổ sung cho các nghiên cứu DLX vốn thường nhấn mạnh yếu tố thái độ và ý định hành vi, bằng việc làm rõ vai trò của chính trải nghiệm tại điểm đến trong quá trình hình thành hành vi đó.

V. KẾT LUẬN

Nghiên cứu đã phân tích vai trò của TLH và GDTN trong phát triển DLX tại Ninh Bình thông qua hai phương thức chính là DGTN và

storytelling. Kết quả cho thấy, việc tổ chức trải nghiệm tại điểm đến có ý nghĩa quan trọng trong việc nâng cao giá trị giáo dục của tài nguyên, đồng thời hỗ trợ hình thành nhận thức và thái độ tích cực của du khách đối với bảo tồn. Trên cơ sở phân tích lý thuyết và dữ liệu phỏng vấn chuyên gia, nghiên cứu xác định rằng DGTN cần được phát triển theo hướng gắn với bối cảnh tài nguyên, trải nghiệm tương tác và mục tiêu giáo dục; trong khi storytelling cần được tích hợp như một phương thức làm sâu sắc giá trị cảm nhận của du khách đối với điểm đến. Cách tiếp cận này cung cấp cơ sở tham khảo cho việc thiết kế các hoạt động trải nghiệm tại các điểm đến sinh thái và di sản. Đối với Ninh Bình, nghiên cứu gợi mở định hướng xây dựng hệ thống GDTN dựa trên đặc trưng tài nguyên, trong đó các giá trị sinh thái, văn hóa và lịch sử được chuyển tải thông qua nội dung diễn giải và câu chuyện điểm đến phù hợp. Đồng thời, nghiên cứu mở ra hướng tiếp cận liên ngành giữa TLH, khoa học giáo dục và nghiên cứu du lịch trong việc tìm hiểu quá trình hình thành hành vi DLX.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Bruner, J. (1991). The narrative construction of reality. Critical Inquiry, 18(1), 1–21. https://doi.org/10.1086/448619

Buckley, R. (2012). Sustainable tourism: Research and reality. Annals of Tourism Research, 39(2), 528–546. https://doi.org/10.1016/j.annals.2012.02.003

Font, X., & McCabe, S. (2017). Sustainability and marketing in tourism: Its contexts, paradoxes, approaches, challenges and potential. Journal of Sustainable Tourism, 25(7), 869–883. https://doi.org/10.1080/09669582.2017.1301721

Falk, J. H., & Dierking, L. D. (2016). The museum experience revisited. Routledge.

Ham, S. H. (2009). From interpretation to protection: Is there a theoretical basis? Journal of Interpretation Research, 14(2), 7–22.

Ham, S. H. (2013). Environmental interpretation: A practical guide for people with big ideas and small budgets. Fulcrum Publishing.

Kolb, A. Y., & Kolb, D. A. (2009). Experiential learning theory: A dynamic, holistic approach to management learning, education and development. In S. J. Armstrong & C. V. Fukami (Eds.), The SAGE handbook of management learning, education and development (pp. 42–68). Sage.

Tilden, F. (2007). Interpreting our heritage (4th ed.). University of North Carolina Press.